

COMPARING AND CONTRASTING DIRECTIVES IN ENGLISH AND IN VIETNAMESE - SOME APPLICATIONS FOR TEACHING AND LEARNING ENGLISH

Tran Thi Thao

TNU - University of Education

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: 06/01/2023	Speech act is a part of pragmatics where there are certain aims beyond the words or phrases when a speaker says something. As a category of speech act, the directives is one of the main linguistic actions. Understanding the directives plays an important role in mastering a mother tongue or a second language. The directives in each language have certain similarities and differences. This is the study of the differences between directives in English and in Vietnamese. The aim is to compare some aspects of the conversations collected in two languages. This study applies the method of surveying discourses to find out the differences and similarities between English and Vietnamese in terms of the nature of that linguistic act in the cultural context of those acts. The results of the study revealed the similarities in structure, emotion, and intonation in the two languages. That clarity will make it easier to teach English as well as to translate, interpret these acts in both English and Vietnamese. To be more specific, although there is a strong tendency for combination of different speech act types, single groups are presented with the predominance.
Revised: 27/02/2023	
Published: 27/02/2023	
KEYWORDS	
Imperatives	
Directives	
Speech act	
Language acquisition	
English teaching	

SO SÁNH ĐỐI CHIẾU HÀNH ĐỘNG CẦU KHIẾN GIỮA TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT - MỘT SỐ ÁP DỤNG TRONG DẠY HỌC TIẾNG ANH

Trần Thị Thảo

Trường Đại học Sư phạm – ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 06/01/2023	Hành động ngôn từ là một phần của ngữ dụng học, trong hành động ngôn từ có những mục đích nhất định vượt ra khỏi các từ và cụm từ khi một người nói điều gì đó. Hành động cầu khiến là một nhánh của hành động ngôn từ, và cũng là một trong những hành động chính của ngôn ngữ. Việc hiểu rõ hành động cầu khiến đóng vai trò quan trọng trong việc nắm vững ngôn ngữ mẹ đẻ cũng như ngôn ngữ thứ hai. Hành động cầu khiến ở mỗi một ngôn ngữ đều có nét tương đồng và sự khác biệt nhất định. Đây là nghiên cứu về sự khác nhau giữa hành động cầu khiến trong tiếng Anh và tiếng Việt. Mục đích là để so sánh một số khía cạnh của các câu hội thoại đã được thu thập trong hai ngôn ngữ. Nghiên cứu này áp dụng phương pháp khảo sát các diễn ngôn để tìm ra sự khác biệt và tương đồng giữa tiếng Anh và tiếng Việt dưới góc độ bản chất của hành động ngôn ngữ đó trong bối cảnh văn hóa của từng ngôn ngữ. Kết quả của nghiên cứu đã bóc tách sự tương đồng trong cấu trúc, cảm xúc, ngữ điệu định trong hai ngôn ngữ. Sự tương đồng đó sẽ giúp việc giảng dạy tiếng Anh cũng như trong việc dịch các bản dịch có chứa hành động cầu khiến trong cả tiếng Anh và tiếng Việt ít nhiều trở nên dễ dàng hơn. Để cho được cụ thể hơn, dù tác giả có xu hướng kết hợp sử dụng các loại hành động lời nói với nhau, đa số các nhóm lời nói vẫn được trình bày theo hướng tách biệt.
Ngày hoàn thiện: 27/02/2023	
Ngày đăng: 27/02/2023	
TỪ KHÓA	
Mệnh lệnh thức	
Cầu khiến	
Hành động ngôn từ	
Tri nhận	
Dạy học tiếng Anh	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.7182>

Email: thaott.flan@tnue.edu.vn

1. Giới thiệu

Cho đến nay, các nghiên cứu về hành động ngôn từ (speech acts) nói chung và hành động cầu khiến (HĐCK) nói riêng đã đạt được nhiều thành tựu to lớn. Trong xu thế giao lưu quốc tế năng động như hiện nay, nhu cầu học tập, nghiên cứu, dịch thuật Anh - Việt và Việt - Anh ngày càng gia tăng và phát triển mạnh mẽ. Từ quan sát thực tế về việc giảng dạy hành động cầu khiến trong nhà trường, từ kết quả khảo sát hành động cầu khiến được giới thiệu trong giáo trình tiếng Anh dành cho người nước ngoài và thực tế sử dụng HĐCK, việc nghiên cứu đối chiếu HĐCK trong tiếng Anh và tiếng Việt nhằm tìm ra nét tương đồng và khác biệt về cách thức và chiến lược cầu khiến trong ngôn ngữ của hai dân tộc với những tương đồng và khác biệt trong tư duy và văn hóa, đưa ra những gợi ý thiết kế nội dung giảng dạy HĐCK là một việc làm rất cần thiết.

Trong giới nghiên cứu Việt ngữ, thuật ngữ “speech acts” cũng có được mối quan tâm trong các công trình nghiên cứu tiếng Việt khác nhau, với nhiều tên gọi khác nhau. Điển hình có thể kể đến như: “Hành vi ngôn ngữ” (1998) [1], “Hành động ngôn từ” (1999) [2], “Hành động ngôn từ” (2000) [3], “Hành vi ngôn từ” (2000) [4], “Hành động nói” (2004) [5], “Hành vi ngôn ngữ” (2007) [6], “Hành động ngôn từ” (2009, 2010) [7], [8].

HĐCK thuộc nhóm hành động nói năng phổ quát, xuất hiện thường xuyên, tự nhiên trong ngôn ngữ của các dân tộc. HĐCK được người nói thực hiện bằng nhiều phương tiện ngôn ngữ khác nhau nhằm tác động đến người nghe để đạt những mục đích giao tiếp nhất định. Bên cạnh sự giống nhau về mục đích phát ngôn, những khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa của từng dân tộc, tính lịch sự trong giao tiếp ở mỗi xã hội, các yếu tố khách quan khác như ngữ cảnh phát ngôn, vị trí xã hội, tuổi tác, mối quan hệ thân/sơ giữa các vai giao tiếp cũng là các nhân tố quan trọng quyết định chiến lược, phương thức thực hiện hành động cầu khiến.

Xem xét ở phạm vi văn hoá, nghiên cứu dấu hiệu nhận biết, gắn với các kèm điều kiện thuận ngôn của các HĐCK, cũng là nghiên cứu thói quen, nếp sinh hoạt và bản sắc văn hoá, tư duy của từng dân tộc. Mối liên hệ giữa ngôn ngữ và văn hoá cho phép sử dụng kết quả nghiên cứu của ngôn ngữ học làm cơ sở cho văn hoá học và ngược lại. Đưa ra được cái nhìn khái quát bằng những ý kiến tổng hợp về ngôn ngữ, văn hoá bản ngữ trong quá trình so sánh, đối chiếu với ngôn ngữ của các dân tộc khác là một việc làm hết sức cần thiết.

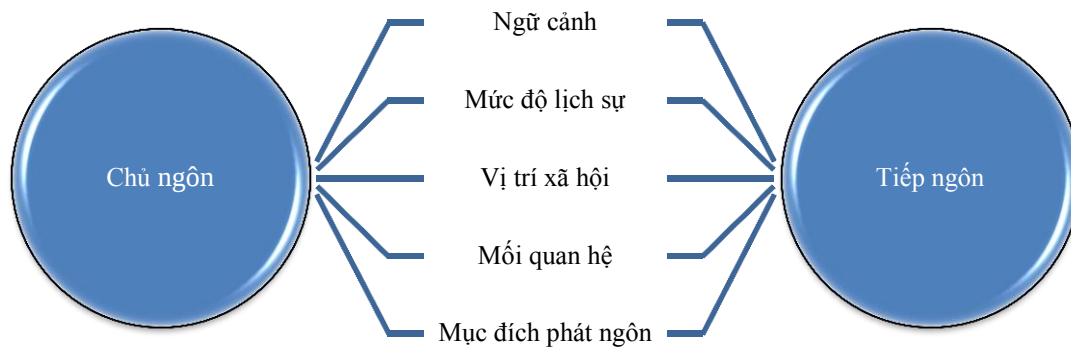
Xét theo bản chất, cầu khiến được liệt vào nhóm hành động có nguy cơ đe dọa thể diện (face threatening acts - FTA) cao nhất. Như vậy, việc nghiên cứu HĐCK có liên quan mật thiết đến vấn đề lịch sự. Làm thế nào để người nói vừa đạt được mục đích giao tiếp đồng thời đảm bảo giữ thể diện hoặc giảm thiểu tính chất đe dọa thể diện cho đối với người đối thoại, để giao tiếp đạt hiệu quả cao nhất là điều mà các nhà nghiên cứu ngữ dụng học cũng như các giáo viên ngôn ngữ rất quan tâm.

Trong tiếng Anh, tác giả J. Searle [9, tr. 5] xem HĐCK “là những cố gắng của chủ ngôn sao cho tiếp ngôn thực hiện một việc gì đó. Nó có thể là những cố gắng ở mức độ thấp ví như khi ta gợi ý ai đó làm việc gì, nhưng cũng có khi là những cố gắng ở mức độ cao (cương quyết) như khi ta tỏ rõ là nhất thiết ai đó phải làm một việc cụ thể nào đấy”. Điều này cho thấy J. Searle chỉ ra đích cầu khiến là một dải hành động xét theo mức độ ép buộc của chủ ngôn từ thấp đến cao hoặc ngược lại, chứ không đơn thuần là hai hành động cầu và khiến hay khiến và lệnh. Searle cho rằng, một hành động ngôn từ (HĐNT) được xem là HĐCK khi thỏa mãn các điều kiện sau: i) nói về X mà người nói sẽ thực hiện trong tương lai (nội dung mệnh đề); ii) người nghe có năng lực thực hiện X (điều kiện chuẩn bị); iii) người nói mong muốn người nghe thực hiện X (thực tế); iv) người nói cố gắng ép buộc người nghe thực hiện X (bản chất). Như vậy có thể hiểu rằng cầu khiến là hành động mà chủ ngôn thực hiện nhằm buộc tiếp ngôn làm một điều gì đó theo ý muốn của mình để đem lại lợi ích cho chủ ngôn và thường gây thiệt hại cho tiếp ngôn, ví dụ như ra lệnh, sai bảo, yêu cầu, nhờ vả, ...

Về quan điểm của các nhà nghiên cứu Việt ngữ, Nguyễn Thiện Giáp [3, tr. 48] trong Dụng học Việt ngữ cho rằng: “Cầu khiến là hành động mà người nói sử dụng để khiến người nghe làm cái gì đó. Hành động này thể hiện ở những câu mà nhờ chúng mà người nói khiến cho người nghe làm một việc gì. Thuộc nhóm này có các hành động như: đề nghị, yêu cầu, cho phép, ra lệnh, mời mọc, rủ rê, thỉnh cầu, khuyên, cấm đoán, hỏi, chỉ thị, ... (hỏi cũng là một hành động cầu

hiển).” Cao Xuân Hạo [10, tr. 132] cho rằng: “*Câu cầu khiến là câu có giá trị ngôn trung tác động đến ngôi thứ hai, yêu cầu ngôi này thực hiện một hành động đơn phương hoặc hợp tác. Hình thức cấu tạo để phân biệt câu cầu khiến với các dạng câu khác là: có từ cầu khiến như hãy/ đừng/ chớ và chủ thể của hãy/ đừng/ chớ bao giờ cũng ở ngôi thứ hai hoặc ngôi thứ nhất số nhiều dạng ngôi gộp (tức là dạng ngôi thứ nhất có gộp cả ngôi thứ hai, chỉ người nghe như: chúng ta, chúng mình, hoặc một tổ hợp từ tương đương như: mẹ con mình, bố con ta, lớp mình...)*”. Trên quan điểm của ngôn ngữ học hiện đại, tác giả Đào Thanh Lan (2010) [11] đề cập đến các tiêu chí nhận diện HĐCK và cho rằng: bối cảnh giao tiếp trực tiếp, trong đó cả ba nhân tố: chủ ngôn (người nói), tiếp ngôn (người nghe), thời gian giao tiếp trực tiếp tồn tại đồng thời là điều kiện để xuất hiện hành động cầu khiến.

Như vậy thống nhất theo quan điểm của các nhà ngữ dụng học, khẳng định cầu khiến là biểu thị thái độ của người nói đối với hành động trong tương lai của người nghe, đồng thời cũng biểu thị một dự định của người nói rằng điều mình nói hay muốn truyền đạt trong lúc nói phải được xem như một lý do để người nghe thực hiện một hành động nào đó hay nói cách khác HĐCK là một hành động tại lời trong phát ngôn cầu khiến, là những cố gắng của chủ ngôn sao cho tiếp ngôn thực hiện một việc gì đó. HĐCK cũng được sử dụng để báo hiệu sự cấm đoán, sự cho phép hoặc bất kỳ hình thức khuyến khích nào khác. Chúng ta có thể minh họa HĐCK theo sơ đồ sau đây:



Hình 1. Hành động cầu khiến
(Nguồn: Tác giả tổng hợp 2022)

Như vậy HĐCK có sự tương tác giữa những tác nhân khác nhau và chúng có vai trò quan trọng như nhau trong việc thực hiện mục đích giao tiếp, các nhà ngôn ngữ học cũng như các giáo dục học trong quá trình dạy học cần phải lưu ý đến các yếu tố trên, nhận biết sự khác biệt giữa các ngôn ngữ để việc giảng dạy có hiệu quả hơn. Phân tiếp theo tác giả sẽ phân tích sự tương quan và những nét khác biệt giữa hai ngôn ngữ này. Từ đó, tác giả đưa ra một số gợi ý cho việc dạy HĐCK nói riêng và tiếng Anh nói chung cho người Việt một cách hiệu quả hơn.

Việc áp dụng nghiên cứu hành động cầu khiến vào vấn đề dạy - học ngoại ngữ nói chung và dạy - học ngoại ngữ theo năng lực giao tiếp nói riêng đã được nhiều nhà nghiên cứu tại Việt Nam quan tâm từ rất lâu. Tác giả Vũ Thị Thanh Hương [12, tr.20] đưa ra quan điểm “trọng tâm của cách tiếp cận giao tiếp là phát triển năng lực giao tiếp cho người học và cách tiếp cận ngữ pháp coi ngữ pháp là một thành tố cấu thành năng lực giao tiếp.” Tác giả Lưu Tuấn Anh - Nguyễn Thanh Trúc (2009) [13] trong “Ngữ pháp giao tiếp - Ứng dụng vào việc dạy tiếng” cũng có những ý kiến riêng trong việc dạy - học ngữ pháp giao tiếp nhằm nâng cao năng lực giao tiếp cho người học ngoại ngữ. Trong bài viết “Dạy ngữ pháp như một ngoại ngữ theo phương pháp giao tiếp”, tác giả Nguyễn Hồng Côn [6, tr. 18] cho rằng “*phương pháp giao tiếp cho rằng, trong dạy ngoại ngữ, ngữ pháp không nên được dạy như là kiến thức ngôn ngữ học thuần túy mà như là phương tiện để người học tiếp nhận và tạo lập các diễn ngôn và văn bản.*”. Tác giả Vũ Lan Hương (2018) [14] trong luận án tiến sĩ “Ứng dụng ngữ pháp giao tiếp trong giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài (Nghiên cứu trường hợp hành động cầu khiến trong giáo trình dạy tiếng

Việt)” đã nêu ra thực trạng giảng dạy nội dung ngữ pháp biểu hiện HĐCK qua khảo sát ba bộ giáo trình dạy tiếng Việt cho người nước ngoài phổ biến ở Việt Nam. Với những phân tích khá chi tiết, tác giả đã đưa ra những gợi ý thiết kế minh họa bài tập thực hành ngữ pháp và mô tả tiến trình giảng dạy ngữ pháp theo quan điểm giao tiếp cho hành động đề nghị.

Tóm lại, việc nghiên cứu khảo sát sự khác biệt giữa hành động cầu khiến trong tiếng Anh và tiếng Việt đã và đang thu hút nhiều nhà nghiên cứu ngôn ngữ cũng như những tác giả quan tâm đến lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng nước ngoài nói chung và tiếng Anh nói riêng. Trong nghiên cứu này, tác giả đã khảo sát, so sánh hành động cầu khiến dưới góc độ bản chất của hành động trong bối cảnh văn hóa của các hành động ngôn ngữ đó. Kết quả của nghiên cứu được thể hiện ở các phần sau đây.

2. Phương pháp nghiên cứu

Từ khung nghiên cứu như hình 1, tác giả tiến hành thu thập dữ liệu, phần lớn dữ liệu được thu thập đều là dữ liệu sơ cấp. Một phần dữ liệu là dữ liệu thứ cấp được trích từ trong các bài báo của các nhà nghiên cứu trước đó. Sau khi thu thập dữ liệu, tác giả phân tích các diễn ngôn này và chia nó theo các phần như cấu trúc, thuật ngữ biểu hiện biểu cảm và cảm xúc, các cách diễn đạt lệnh khác như ngữ điệu trong mệnh lệnh. Tiếp đó tác giả phân tích sự giống và khác nhau giữa mệnh lệnh thức trong tiếng Anh và tiếng Việt.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. So sánh đối chiếu HĐCK giữa tiếng Anh và tiếng Việt

3.1.1. Cấu trúc trong mệnh lệnh khẳng định

Theo Thomson và Martinet [15, tr.245], trong tiếng Anh từ DO có thể sử dụng để nhấn mạnh trong câu mệnh lệnh. Khi DO được đặt trước động từ trong một câu mệnh lệnh, DO này có thể thuyết phục nhưng cũng có thể thể hiện sự khó chịu.

Ví dụ:

- Do hurry up! (*Tạm dịch là: HÃY nhanh lên!*)

- Do be patient! (*Tạm dịch là: HÃY kiên nhẫn!*)

Trong các mệnh lệnh tiếng Anh, LET cũng có thể được tìm thấy:

- Let's go to the beach and have a good time there! (*Tạm dịch là: Hãy cùng ra biển và vui vẻ nào!*)

- Let's not give up meeting together! (*Tạm dịch là: Chúng ta đừng bỏ qua việc gặp nhau nhé!*)

- Let me go! (*Tạm dịch là: Hãy để tôi ra đi!*)

- Let people do their work rather than prepare for meetings with senior staff. (*Tạm dịch là: Hãy để mọi người làm công việc của họ thay vì chuẩn bị cho những cuộc họp với lãnh đạo cấp trên.*)

Với cụm LET US / LET'S, người nói có thể thúc giục người nghe của mình hành động theo một cách nhất định, hoặc bày tỏ một quyết định mà họ dự kiến sẽ chấp nhận, hoặc bày tỏ một đề nghị [15, tr.245].

Ví dụ:

- Let's go out. (*Tạm dịch là: Hãy ra ngoài cùng tôi nhé!*)

Trong tiếng Việt, theo nhà ngôn ngữ học Cao Xuân Hạo các từ trống “HÃY” hoặc “ĐI” có thể được sử dụng để diễn đạt một mệnh lệnh.

Ví dụ:

- Hãy làm việc đi!

- Hãy cẩn thận!

Từ trống “HÃY” cũng có một biến thể phiên âm là “HÃNG”, như trong “Hãng gươm!” “Hãng từ từ!” [16, tr.226]. “HÃY” có thể hỗ trợ nhiều động từ cùng lúc: “Hãy đoàn kết lại, hệ thống hành động nhất!”. Dựa trên các nguyên tắc ngữ pháp phổ biến của tiếng Việt, “HÃY” được đặt ngay trước động từ như trong các ví dụ trên. Tuy nhiên, trong tiếng Việt hiện đại, động từ chính có thể được tách khỏi “HÃY” bằng một trợ từ. Ví dụ. “Hãy dừng cảm phiền lên!”

Ngày nay, trong tiếng Việt hiện đại, từ trống “HÃY” vẫn được tìm thấy trong các lệnh hoặc yêu cầu. Tuy nhiên, bàn về vấn đề này, trống từ “HÃY” đặt trước động từ giúp hình thành trật tự. Cách này là để thể hiện sự khích lệ bằng giọng nói điềm đạm hoặc nó được sử dụng trong một lời thỉnh cầu mang tính hình thức và quý tộc; điều này không thường thấy trong cuộc sống hàng ngày. Việc sử dụng quá nhiều “HÃY” trong lời nói báo hiệu một mức độ của cách cư xử bị ảnh hưởng. Giáo sư Nguyễn Kim Thản [16, tr.226] cũng đồng ý rằng gần đây chữ “HÃY” đang nhường chỗ cho trống từ “ĐI”. “ĐI” có thể thể hiện trật tự.

Ví dụ:

- Ăn đi!
- Chạy đi thôi!

Trong một cuốn sách của mình - Ngữ pháp Tiếng Việt, Diệp Quang Ban [5, tr.227] cho rằng ngoài từ trống “ĐI”, còn có một số thuật ngữ đặc biệt khác như “NÀO”, “THÔI”, “ĐI THÔI”, “ĐI NÀO”, được đặt sau nội dung của mệnh lệnh để sửa đổi mệnh lệnh, khiến nó trở nên cực đoan hơn hoặc trang trọng hơn. Chúng được sử dụng rộng rãi trong tiếng Việt thông tục.

Ví dụ:

- Cô đi đi!
- Cháu đi đi thôi!
- Con đi đi nào!
- Minh đi thôi!
- Minh đi nào!
- Minh đi đi nào!

Sự xuất hiện của “ĐI”, “NÀO”, “THÔI”, “ĐI THÔI”, hoặc “ĐI NÀO” dường như thêm nhiều sắc thái khác nhau cho mệnh lệnh, tăng hoặc giảm cường độ tùy thuộc vào ngữ cảnh. Những từ này mang lại cảm giác thân thiện và đoàn kết. Thay vì “Đi!” chúng ta có thể giảm bớt sự gián đoạn của lệnh bằng cách thêm “ĐI NÀO” - “Đi đi nào”. Hoặc trong trường hợp chúng ta muốn yêu cầu ai đó rời khỏi một nơi ngay lập tức mà không bị chậm trễ, chúng ta có thể thêm “ĐI”. Ví dụ như: “Đi đi!”

3.1.2. Cấu trúc trong mệnh lệnh phủ định

Cấu trúc mệnh lệnh với “ĐỪNG” trong tiếng Anh và những mệnh lệnh “ĐỪNG”, “CHƯA”, “KHÔNG”, “KHÔNG ĐƯỢC” trong tiếng Việt. Trong tiếng Anh, dạng câu mệnh lệnh hàm ý phủ định thường được thấy như sau:

- Don't be so stupid! (Tạm dịch là: Đừng ngớ ngẩn thế!)
- Don't smoke! (Tạm dịch là: Đừng hút thuốc!)

Vì vậy, trong tiếng Anh, dạng phủ định của bất kỳ mệnh lệnh nào có thể được trình bày thông qua công thức: **DON'T + bare infinitives**. Như Eastwood [17, tr.120]; Thomson và Martinet [15, tr.245] chứng minh, “DON'T” là tín hiệu giúp chúng ta nhận ra hàm ý phủ định trong một mệnh lệnh.

Có vẻ như trong tiếng Việt có nhiều cách đa dạng hơn để xây dựng một câu mệnh lệnh phủ định. Các từ trống như “ĐỪNG”, “CHỚ”, “KHÔNG” và “KHÔNG ĐƯỢC” trong tiếng Việt diễn đạt ý giống như “DON'T” trong tiếng Anh. Trong câu mệnh lệnh tiếng Việt, theo Diệp Quang Ban [5, tr.227], “ĐỪNG”, “CHỚ”, “KHÔNG” và “KHÔNG ĐƯỢC” đứng trước nội dung mệnh lệnh thì nghĩa là phủ định (tức là người nói yêu cầu (những) người nhận không làm điều gì đó).

Ví dụ:

- Đừng quên mang sách vở khi đến lớp!
- Chớ có nói vậy cậu ơi!
- Không được đến muộn!

Cũng theo tác giả này, “HÃY” không xuất hiện trước các từ phủ định như “KHÔNG”, “CHẮNG”, và “CHƯA” trong mệnh đề phủ định. Nếu không, ý tưởng sẽ mâu thuẫn với chính nó, gây ra sự nhầm lẫn và hiểu lầm, vì “HÃY” khẳng định một khẳng định. Ngoài ra, “ĐỪNG” và “CHỚ” dùng để chỉ phủ định không đứng trước các từ phủ định như “KHÔNG”, “CHẮNG” và “CHƯA” để tránh các từ không liên quan hoặc hiện tượng phủ định kép.

3.1.3. Các thuật ngữ đặc biệt thể hiện biểu cảm và cảm xúc

Trong tiếng Anh, chỉ có một đại từ chủ ngữ ngôi thứ hai - đó là YOU. Thomson và Martinet và Eastwood, v.v., chỉ ra rằng đại từ YOU hiếm khi được sử dụng trừ khi người nói muốn tỏ ra thô lỗ hoặc muốn phân biệt, như trong:

- You hold on! (*Tạm dịch là: Bạn chờ chút nhé!*)
- You stop talking! (*Tạm dịch là: Bạn im đi!*)

YOU trong một câu mệnh lệnh góp phần tạo ra hiệu ứng của sự ngạc nhiên và cảm giác tức giận hoặc xúc phạm. Do đó, để thể hiện sự tôn trọng cũng như sự thân thiện của chúng ta đối với người đối thoại cũng như sự thân thiện, chúng ta phải sử dụng các cấu trúc với các động từ phương thức, ví dụ, “CAN”, “COULD” or “MUST”, như sau:

- Can you hold on? / You must hold on. (*Tạm dịch là: Bạn có thể chờ một chút không? / Bạn phải chờ một chút.*)

- Could you stop talking for a while? (*Tạm dịch là: Bạn có thể giữ im lặng một lúc không?*)

Trong cảnh báo, lời nhắc và lời chúc tốt đẹp, câu hỏi đuôi “WON’T YOU?” sau một mệnh lệnh tích cực và “WILL YOU?” sau một phủ định [18, tr.22] hoặc cấu trúc **To be + Bare infinitive** thường được sử dụng.

- Don’t go on the left, will you? (*Tạm dịch là: Đừng đi sang bên trái, được không?*)
- Have a nice weekend, won’t you? (*Tạm dịch là: Chúc bạn cuối tuần vui vẻ, bạn nhé?*)
- You are to sit there. Understand? (*Tạm dịch là: Bạn phải ngồi đó. Hiểu chưa?*)

Ngược lại, trong tiếng Việt, có rất nhiều đại từ để chỉ ngôi thứ hai, chẳng hạn như “bố”, “mẹ”, “anh”, “chị”, “em”, “cháu”, “bạn”, v.v. Mỗi đại từ được sử dụng cho một người cụ thể trong một hoàn cảnh cụ thể. Việc sử dụng cho ai là khác nhau tùy thuộc vào ngữ cảnh nói và viết. Vì vậy, Diệp Quang Ban [5, tr.22] cho rằng để thể hiện sự tôn trọng của chúng ta, mệnh lệnh phải đi kèm với một số yếu tố tình cảm thích hợp như “XIN”, “CHO”, “À”, v.v. Ví dụ: “Xin bà hãy chờ cho một lát”, “Bà hãy đợi một lát ạ”, “Ông hãy đợi một lát”. Tác giả cũng nhấn mạnh rằng với mục đích tăng thêm các mảng cảm xúc cho mệnh lệnh, chúng ta nên chọn một từ thích hợp để làm chủ đề của câu. Ví dụ, khi “anh” hoặc “em” đóng vai trò là chủ thể, quan hệ họ hàng và mối quan hệ thông công được trình bày rõ ràng. Mặt khác, “mày” và “tao” bao hàm ý nghĩa của sự thân mật hoặc bất lịch sự.

Ví dụ:

- Anh hãy ngồi xuống đây!
- Mày đi nhanh đi!

Hơn nữa, trong tiếng Anh, “PLEASE” được sử dụng giống như “XIN VUI LÒNG” hoặc “VUI LÒNG” trong tiếng Việt. Những điều này làm cho mệnh lệnh trở nên trang trọng và lịch sự hơn, lấp đầy khoảng cách giữa người nói và người nghe; sau đó, trật tự trở nên nhẹ nhàng và lịch sự hơn.

Ví dụ:

- Open the door, please! (*Tạm dịch là: Làm ơn mở cửa ra!*)
- Close the windows, please! (*Tạm dịch là: Hãy đóng cửa sổ lại!*)

3.1.4. Các cách diễn đạt lệnh khác

Như đã thảo luận ở trên, các động từ phương thức (CAN, COULD) có thể được sử dụng để tạo một câu mệnh lệnh bằng tiếng Anh với ý nghĩa tôn trọng và lịch sự. Ngoài ra, các câu hỏi đuôi được sử dụng để thể hiện sự lo lắng và bức bối, như trong ví dụ:

- Stay still, can’t you? (*Tạm dịch là: Đừng cử động, được không?*)

Hoặc để đưa ra một cảnh báo, như trong ví dụ:

- Don’t forget your book, will you? (*Tạm dịch là: Đừng quên cuốn sách của bạn, được không?*)

Bên cạnh đó, theo Thomson và Martinet [15, tr.246], cấu trúc “**Subject + SHALL + Bare infinitive**” thể hiện một trật tự. “SHALL” được sử dụng trong các quy định bằng văn bản rất chính thức và thường sẽ có hiệu lực trong một thời gian. Những điều này rất thường xảy ra ở thể bị động. Ví dụ: “The Chairman, Secretary, and Treasurer shall be elected annually (*Tạm dịch là: Chủ tịch, Thư ký và Thủ quỹ sẽ được bầu hàng năm.*)

Các tác giả khác cũng cho rằng mệnh lệnh có thể ở dạng “**Subject + WILL + Bare infinitive**”, như trong ví dụ:

- When the alarm rings, passengers and crew will assemble at their boat stations. (*Tạm dịch là: Khi chuông báo động vang lên, hành khách và phi hành đoàn sẽ tập hợp tại bến thuyền của họ. (Thông báo trên tàu).*)

Đây là một loại mệnh lệnh chính thức, không cá nhân, bắt buộc, ngụ ý rằng người ra lệnh hoàn toàn chắc chắn rằng sẽ được tuân thủ, được sử dụng chủ yếu trong các hướng dẫn bằng văn bản của những người có thẩm quyền.

Ngoài ra, các mệnh lệnh có thể tồn tại dưới dạng “**Subject + MAY NOT + Bare infinitive**” để thể hiện sự cấm đoán, như trong câu:

- Candidates may not bring textbooks into the examination room. (*Tạm dịch là: Thí sinh không được mang sách giáo khoa vào phòng thi*)

Hoặc “**Be + Bare infinitive**” cho các hướng dẫn, mệnh lệnh hoặc lệnh.

- You are to finish the report today. (*Tạm dịch là: Bạn phải hoàn thành báo cáo hôm nay.*)

Trong Ngữ pháp Tiếng Việt, Diệp Quang Ban [5, tr.229] chỉ ra rằng những cách phổ biến khác để ra lệnh bao gồm các động từ đi kèm với các phương thức như “CẦN”, “NÊN” và “PHẢI”, các trạng từ như “CỨ”, và các từ khác như “HỘ”, “GIÙM”, “GIÚP”. Ví dụ:

- Anh cần nghỉ một thời gian!

- Anh cứ ngồi đây.

- Anh đưa hộ / dùm / giúp tôi cái mũ đằng kia!

Ngoài các từ ở trên, một số động từ tự biểu đạt hành động yêu cầu, ví dụ như “XIN”, “MONG”, “ĐỀ NGHỊ”, “YÊU CẦU”, “RA LỆNH”, “CẦN”, “MỜI”, “KHUYẾN”, v.v. Loại động từ này được gọi là động từ biểu diễn và chúng có thể được sử dụng để ra lệnh. Chủ ngữ của những câu này là người nói. Ví dụ:

- Chúng tôi mong các bạn sẽ đến dự đám cưới của chúng tôi.

3.1.5. Ngữ điệu trong mệnh lệnh

Ngữ điệu là một phần thú vị khác cần được đề cập trong bài báo này. Trong tiếng Việt, ngữ điệu mệnh lệnh thay đổi theo trạng thái tâm lý của người nói, nhưng nhìn chung, ngữ điệu tăng lên ở cuối và trọng âm ở từ mang nội dung mệnh lệnh (Diệp Quang Ban, [5, tr.228]). Ví dụ:

- Đi!

- Đọc to lên!

Trong khi đó, theo các nhà ngôn ngữ học tiếng Anh như Feigenbaum, Eastwood, Thomson và Martinet, Leech và Svartvik, ngữ điệu thông thường của một mệnh lệnh trong tiếng Anh là rơi vào ngữ điệu, nghĩa là hạ giọng ở cuối câu.

- Be **polite!** (*Tạm dịch là: Hãy lịch sự nào!*)

- **Stand up**, will you? (*Tạm dịch là: Đứng dậy đi, được không?*)

- **You** pick it up. (*Tạm dịch là: Bạn ấy! Nhặt nó lên!*)

3.2. Điểm giống nhau giữa mệnh lệnh tiếng Anh và tiếng Việt

Tiếng Việt, tiếng Anh cùng với các ngôn ngữ khác trên thế giới đều là những phương tiện tương tác và giao tiếp hiệu quả. Tuy nhiên, trong các ngôn ngữ khác nhau, hành vi yêu cầu được trình bày khác nhau; điều đó không có nghĩa là tiếng Anh và tiếng Việt thuộc hai ngữ hệ khác nhau. Trên thực tế, sau khi phân tích ở trên, có thể rút ra một vài điểm tương đồng.

Thứ nhất, cả tiếng Anh và tiếng Việt đều sử dụng các thuật ngữ đặc biệt để diễn đạt mệnh lệnh, các từ như “DO”, “LET”, “DON’T” trong tiếng Anh và “HÃY”, “ĐI”, “ĐỪNG”, “CHỚ”, “KHÔNG ĐƯỢC”, v.v. bằng tiếng Việt. Có thể dễ dàng tìm thấy một câu mệnh lệnh trong tiếng Anh khá tương đương với câu mệnh lệnh trong tiếng Việt về nghĩa cũng như cấu tạo. Hãy quan sát một số ví dụ:

- Đừng làm phiền tôi nữa! – Don’t bother me anymore!

- Hãy để mình giảng lại cho bạn! – Let me explain it again!
- Hãy im đi! – Do be quiet!

Các ví dụ trên lần lượt có phiên bản tiếng Anh. Chúng hoàn toàn giống nhau về ý nghĩa ngữ nghĩa và cấu trúc ngữ pháp và ngữ điệu ở một mức độ nào đó.

Thứ hai, tiếng Anh và tiếng Việt đều tận dụng những từ trống để khiến mệnh lệnh trở nên nhẹ nhàng và lịch sự hơn. Điều này có thể nhận thấy trong ngôn ngữ giao tiếp của người Việt Nam trong cuộc sống hàng ngày; cụ thể, theo cách mọi người sử dụng cụm từ “VUI LÒNG” khi đưa ra đơn hàng hoặc đề nghị. Ở đây, “VUI LÒNG” gần như đồng nghĩa với “PLEASE” trong các mệnh lệnh tiếng Anh.

- Please give me a glass of water! – Vui lòng lấy hộ tôi cốc nước!

3.3. Sự khác biệt giữa tiếng Anh và tiếng Việt

Mặc dù HĐCK tiếng Anh và tiếng Việt có nét tương đồng, nhưng có rất nhiều điểm khác biệt. Chính những khác biệt này đã trở thành rào cản đối với người Việt học tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai. Dưới đây là một số điểm khác biệt điển hình.

Thứ nhất, trong cấu trúc cơ bản của HĐCK tiếng Anh và tiếng Việt, chủ ngữ bị lược bỏ; câu mệnh lệnh chỉ bao gồm các động từ. Tuy nhiên, trong tiếng Việt, đại từ, danh từ riêng hoặc danh từ chung có thể được sử dụng tùy ý trong các câu mệnh lệnh. Sự xuất hiện của đại từ, danh từ riêng và danh từ chung chỉ đơn giản là giúp thêm yếu tố cảm xúc cho các mệnh lệnh. Ngược lại, đại từ YOU trong tiếng Anh HĐCK sẽ khiến họ trở nên cực đoan và phản cảm hơn, làm tăng khoảng cách giữa người nói và người nghe. Ngoài ra, có những danh từ không xác định như “SOMEBODY”, “ANYONE”, v.v. dùng để nhấn mạnh hoặc thu hút sự chú ý.

- Anh hãy vào đây. (Yêu cầu này thể hiện sự thân thiện và thân mật)
- You come here! (Yêu cầu này thể hiện sự khó chịu, thô lỗ và thiếu tôn trọng của người nói đối với người nghe)

- Ai đó giúp tôi đi!
- Somebody help me! (Tạm dịch là: Giúp tôi với!)
- Jane hãy ở đây, còn Bill, hãy đi theo tôi!

- Jane stay here, and Bill, follow me! (Tạm dịch là: Jane, mày hãy ở đây và Bill, hãy theo tao!)

Thứ hai, trong tiếng Anh, người ta sử dụng một số cấu trúc đặc biệt để diễn đạt các mệnh lệnh. Ví dụ: Keep still, can't you? (Câu hỏi đuôi)

Cấu trúc: **Subject + SHALL + Bare infinitive**: The Chairman, Secretary and Treasurer shall be elected annually (Tạm dịch là: Chủ tịch, Thư ký và Thủ quỹ sẽ được bầu hàng năm.)

Cấu trúc: **Subject + WILL + Bare infinitive**: When the alarm rings, passengers and crew will assemble at their boat station. (Tạm dịch là: Khi chuông báo động vang lên, hành khách và phi hành đoàn sẽ tập trung tại bến thuyền của họ.)

Cấu trúc: **Subject + MAY NOT + Bare infinitive**: Candidates may not bring textbooks into the examination room. (Tạm dịch là: Thí sinh không được mang sách giáo khoa vào phòng thi.)

Trong tiếng Việt, các cấu trúc trên không dùng để yêu cầu, mệnh lệnh, hướng dẫn. Thay vào đó, mọi người sử dụng các thuật ngữ đặc biệt như “HÃY”, “ĐI”, “KHÔNG ĐƯỢC” hoặc các động từ bổ sung như “PHẢI” và “CỦ”. Ví dụ như:

- Anh cứ tiếp tục uống thuốc như vậy!
- Phải / Hãy bầu ra chủ tịch, thư ký và thủ quỹ mới mỗi năm!
- Hành khách hãy / phải tập trung tại bến tàu khi có còi báo động!
- Thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi!

Thứ ba, trong tiếng Việt, chúng ta có thể sử dụng một số động từ biểu diễn như “XIN”, “MONG”, “ĐỀ NGHỊ”, “YÊU CẦU”, “CẢM”, “MỜI”, “KHUYẾN”, ... để làm câu mệnh lệnh. Ví dụ:

- Mong các bạn đến dự cuộc vui với chúng tôi!
- Xin các bạn vui lòng đến đúng giờ!

Ngược lại, trong tiếng Anh, chúng ta không thể đặt các động từ biểu diễn như “ASK”, “WISH”, “SUGGEST”, “REQUEST”, “INVITE”, “ADVISE, v.v. khi cầu xin, yêu cầu.

3.4. Một số ý nghĩa của nghiên cứu đối với việc dạy và học tiếng Anh

Do có nhiều khác biệt giữa hai ngôn ngữ trong cấu trúc mệnh lệnh, Murcia và Freeman [19, tr.235] nhấn mạnh rằng việc học hình thức, ý nghĩa và cách sử dụng cảm xúc trong mệnh lệnh là một thách thức đối với học sinh. Ngoài trừ mệnh đề phủ định, hình thức có lẽ ít thử thách hơn vì học sinh không cần quan tâm đến các vấn đề hình thái động từ điển hình như thì và thỏa thuận chủ ngữ-động từ. Tuy nhiên, sự khác biệt tinh tế giữa các mệnh lệnh tiếng Anh đòi hỏi học sinh phải được thực hành sử dụng các hình thức của họ một cách thích hợp. Giúp học sinh hiểu các mệnh lệnh cũng quan trọng bằng cách xem xét sự đa dạng của các hình thức được sử dụng để ra lệnh. Giáo viên tiếng Anh phải nắm bắt được những khó khăn về ngôn ngữ này, thông cảm với học sinh của mình để có thể giúp học sinh Việt Nam tiến bộ trong việc học tiếng Anh.

Thứ nhất, giáo viên phải giúp học sinh thừa nhận hình thức và mối liên hệ chức năng giữa mệnh lệnh. Một câu nói có thể là một mệnh lệnh hoặc một yêu cầu mà không phải ở dạng mệnh lệnh. Ngoài ra, các chức năng khác nhau của mệnh lệnh phải được trình bày rõ ràng cho học sinh, ví dụ, đề nghị, gợi ý, yêu cầu, lời khuyên, hướng dẫn, cấm, cảnh báo, thủ tục, lời mời, đe dọa và mong muốn, tùy thuộc vào ngữ cảnh.

Thứ hai, giáo viên nên thu hút sự chú ý của học sinh về khía cạnh cảm xúc của mệnh lệnh để các em không mắc lỗi trong giao tiếp cũng như phiên dịch do chuyển âm. Sau đó, học sinh có thể ứng phó với mọi người một cách thích hợp khi tình huống bắt buộc, đạt được năng lực ngôn ngữ.

Thứ ba, nhiệm vụ học tập theo HĐCK có thể trở nên thú vị hơn và bớt căng thẳng hơn bằng cách sử dụng các trò chơi, đóng vai để thực hành hình thức mệnh lệnh. Đối với đóng vai, học sinh có thể được đưa ra một số tình huống mà họ phải đưa ra một yêu cầu hoặc một đề nghị. Đối tác của họ chỉ được yêu cầu chấp nhận khi nội dung của yêu cầu hoặc lời đề nghị hợp lý và cấu trúc của câu cùng với ngữ điệu của người nói phù hợp với ngữ cảnh. Nhờ hoạt động này, học sinh thực hành các hình thức, ý nghĩa và ngữ điệu của HĐCK cũng như thực hành cách trả lời phù hợp. Từ đó, các em liên hệ các mệnh lệnh tiếng Anh được sử dụng trong các tình huống này với các mệnh lệnh tiếng Việt được sử dụng trong các tình huống tương tự trong cuộc sống thực, phát hiện ra những điểm giống và khác nhau giữa các mệnh lệnh trong tiếng Anh và tiếng Việt về hình thức và cách sử dụng. Do đó, nhằm lẫn giữa hai ngôn ngữ sẽ tránh được sau này khi họ thực sự nói hoặc viết bằng tiếng Anh trong cuộc sống thực.

4. Kết luận

Tóm lại, HĐCK là rất quan trọng đối với giao tiếp và tương tác trong bất kỳ ngôn ngữ nào. Một phân tích đối lập trong lĩnh vực này liên quan đến tiếng Việt và tiếng Anh là rất quan trọng và hữu ích vì nó có nhiều ý nghĩa trong việc dạy và học ngôn ngữ, giúp cho việc tiếp thu ngôn ngữ thứ hai trở nên thoải mái và dễ dàng hơn nhiều. Lợi ích của việc sử dụng kiến thức về các đặc điểm tương ứng của hai ngôn ngữ được tìm thấy trong việc học ngoại ngữ và đồng thời củng cố tiếng mẹ đẻ. Vì giới hạn về thời gian và kiến thức, bài báo này đã tìm hiểu một số điểm rất cơ bản trong việc so sánh và đối chiếu hành động cầu khiến tiếng Việt và tiếng Anh. Qua bài báo này, các giáo viên và sinh viên tiếng Anh có thêm một số ý kiến về mức độ cần thiết và lợi ích của nhận thức về mối quan hệ giữa tiếng Anh và tiếng Việt đối với vấn đề HĐCK.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] D. D. Nguyen, *Pragmatics*, vol. 1, Vietnam Education Publishing House, 1998.
- [2] X. H. Cao, *Vietnamese - some problems with phonetics, grammar, and semantics*. Vietnam Education Publishing House, 1999.
- [3] T. G. Nguyen, *Vietnamese Pragmatics*. Vietnam National University Press, Hanoi, 2000.
- [4] T. T. H. Vu, “Polite strategies to change the profit - loss in Vietnamese imperatives,” *Journal of Languages*, no. 10, pp. 39-48, 2000.

-
- [5] Q. B. Diep, *Vietnamese Grammar*. Vietnam Education Publishing House, 2005.
- [6] H. C. Do and V. H. Do, *Pragmatics*. Hà Nội University of Education Publishers, 2007.
- [7] V. H. Nguyen, *Vietnamese syntax*. Vietnam Education Publishing House, 2009.
- [8] V. H. Nguyen, "Special sentences in Vietnamese viewed from the theory of Prototype," *Journal of Languages*, no. 6, pp. 1-4, 2010.
- [9] J. Searle, *Expression and Meaning - Studies in the Theory of Speech acts*. Cambridge University Press, 1979.
- [10] X. H. Cao, X. T. Hoang, V. B. Nguyen, and T. T. Bui, *Vietnamese functional grammar: Sentences in Vietnamese*, vol. 1, Vietnam Education Publishing House, 2003.
- [11] T. L. Dao, *Semantic grammar of Vietnamese imperatives*. Hà Nội: Social Sciences Publishing House, 2010.
- [12] T. T. H. Vu, "Teaching grammar in a communicative approach," *Journal of Languages*, no. 5, pp. 20-30, 2007.
- [13] T. A. Luu and T. T. Nguyen, "Communicative grammar - Application to language teaching," *Proceedings of the international scientific conference "Researching and teaching Vietnamese studies and Vietnamese language - Methods and skills"*. Social Sciences Publishing House, 2010, pp. 11-25.
- [14] L. H. Vu, "Application of communicative grammar in teaching Vietnamese to foreigners (case study of imperative actions in Vietnamese teaching textbooks)," PhD thesis in linguistics, Hanoi National University, University of Social Sciences and Humanities, 2018.
- [15] A. J. Thomson and A. V. Martinet, *A Practical English Grammar*. Oxford University Press, 1986.
- [16] K. T. Nguyen, *Verbs in Vietnamese*. Social Sciences Publishing House, 1999.
- [17] J. Eastwood, *Oxford Practice Grammar*. Oxford University Press, 1999.
- [18] J. Eastwood, *Oxford Guide to English Grammar*. Oxford University Press, 1997.
- [19] C. Murcia and L. Freeman, *The Grammar Book: An ESL/EFL Teacher's Course*. New York: Heinle & Heinle Publishers, 1999.